HƯỚNG DẪN CÁCH GHI CÁC BIỂU MẪU DÀNH CHO NHÀ ĐẦU TƯ
CÓ DỰ ÁN LIÊN QUAN TỚI CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

(ban hành kèm theo Quyết định số 1088/2006/QD-BKHDT về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam)

GUIDELINES ON HOW TO COMPLETE STANDARD FORMS

(Issued with Decide 1088/2006/QD-BKHDT issuing standard forms for conducting investment procedures in vietnam)

[01] : Tên Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư

Name of the Investment Certificate-Issuing Body.

[02] : Thông tin chính về từng nhà đầu tư:

Main information about each investor:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

(a) In the case of investor being an individual:

Họ tên *(họ tên, chức vụ, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)*

Full name (full name, position, date of birth, ethnic group, and nationality);

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu *(số, ngày, nơi cấp)*

ID card or passport (specify the number of the ID card or passport, and the date and place of issuance);

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu *(tên giấy, số, ngày, nơi cấp)*

Other personal identification document in the case of an investor not having an ID card or passport (name of the document, number, date and place of issuance);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Place of registration of permanent address;

Chỗ ở hiện nay: *(địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)*

Current address (address, telephone number, fax and email).

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

(b) In the case of investor being an enterprise or organization:

Tên doanh nghiệp/tổ chức

Name of the enterprise or organization;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập *(Số, Ngày cấp, Nơi cấp)*

Business registration certificate or Investment Certificate or establishment decision (number, date and place of issuance);

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Information about the legal representative of the enterprise or organization registering the investment, including:

Họ tên *(họ tên, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)*

Full name (full name, date of birth, ethnic group and nationality);

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu *(số, ngày, nơi cấp)*

ID card or passport (number, date and place of issuance);

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu *(tên giấy, số, ngày, nơi cấp)*

Other personal identification document in a case where the investor does not have an ID card or passport (name of the document, number, date and place of issuance);

Chức vụ

Position

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Place of registration of permanent address

Chỗ ở hiện nay: *(địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)*

Current address (address, telephone number, fax and email).

[03] : Tên đầy đủ bằng chữ in hoa

Full name printed in capitals:

a) Tên bằng tiếng Việt

a) Name in Vietnamese;

b) Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*

b) Trading name (if any) in a foreign language;

c) Tên viết tắt *(nếu có)*

c) Abbreviated name (if any).

(Tên doanh nghiệp được đặt theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh)

(The name of an enterprise must satisfy the requirements stipulated in the law on business registration).

[04] : Địa chỉ đầy đủ *(số nhà/đường, phố/xã, phường/quận, huyện/tỉnh, thành phố)*

Full address *(number of the house and street, ward, commune, district and city).*

[05] : Địa chỉ đầy đủ của chi nhánh, văn phòng đại diện *(số nhà/đường, phố/xã, phường/quận, huyện/tỉnh, thành phố)*

Full address of any branch or any representative office *(number of the house and street, ward, commune, district and city).*

[06] : Loại hình doanh nghiệp đăng ký thành lập theo Luật Doanh nghiệp : Công ty TNHH một thành viên/hoặc Công ty TNHH có hai thành viên trở lên/ hoặc Công ty cổ phần/hoặc Công ty hợp danh/hoặc Doanh nghiệp tư nhân

Type of enterprise registered for establishment pursuant to the Law on Enterprises: one member limited liability company, limited liability company with two or more members,

shareholding company, partnership or private enterprise.

[07] : Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được thành lập ghi như mục [03]

Information about the legal representative of the enterprise which has been established should be recorded as per item [03].

[08] :

STT No.	Mã ngành Code of business line	Tên ngành Name of business line

(Không áp dụng đối với Phụ lục I-14)

(The above is not applicable to Appendix 1-14)

[09] : 1. Cách ghi tuỳ thuộc vào loại hình doanh nghiệp, quy định như sau:

1. This item should be completed depending on the type of enterprise, in accordance with the following provisions:

a) Trường hợp thành lập doanh nghiệp tư nhân, ghi ''Vốn đầu tư ban đầu'', gồm tổng số, trong đó tiền Việt Nam, tiền nước ngoài, tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng đính kèm theo Bản đăng ký đầu tư).*

a) In the case of establishment of a private enterprise, write "initial investment capital", including the total sum including Vietnamese dong, foreign currencies and other assets (specify the type of asset, the quantity and residual value of each type of asset: this item may be completed on a separate page as an enclosure).

b) Trường hợp thành lập Công ty cổ phần, ghi ''Vốn điều lệ'', là vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký, gồm tổng số cổ phần, mệnh giá cổ phần; số cổ phần, loại cổ phần cổ đông sáng lập đăng ký mua; số cổ phần, loại cổ phần dự kiến chào bán

b) In the case of establishment of a shareholding company, write "charter capital", being the charter capital paid up at the time of registration and including the total number of shares, and the par value of the shares; the total number of shareholders, the classes of shares for which founding shareholders have registered to purchase; and the number of shares and the class of shares it is proposed to offer for sale.

c) Trường hợp thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, ghi ''Vốn điều lệ'', là vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký, gồm tổng số và phần vốn góp của mỗi thành viên được liệt kê tại Danh sách thành viên

c) In the case of establishment of a limited liability company or partnership, write "charter capital", being the paid up charter capital at the date of registration and including the total amount and the capital contribution portion of each member as recorded in the list of members.

2. Vốn ghi theo đơn vị tiền đồng Việt Nam, trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài, bổ sung giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài

2. The amount of capital should be recorded in Vietnamese dong and, in the case of a foreign invested project, this amount should be supplemented with the equivalent value in a foreign

currency.

[10] : Chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề pháp luật quy định phải có vốn pháp định *(như lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm,...)*

Legal capital is only applicable to enterprises engaged in business lines subject by law to legal capital requirements *(such as finance, banking and insurance sectors).*

[11] : Tên dự án đầu tư đầy đủ viết bằng chữ in hoa tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*

The name of the investment project should be recorded in full in capital letters in Vietnamese and also in a foreign language (if the investment project also has a name in a foreign language).

[12] : Địa chỉ đầy đủ *(số nhà/đường, phố/xã, phường/quận, huyện/tỉnh, thành phố)*

Full address *(number of the house and street, ward, commune, district and city).*

Ghi diện tích đất dự kiến sử dụng (m2 hoặc ha)

Specify the land area it is proposed to use in square meters or in hectares.

[13] : Ghi cụ thể loại hình sản phẩm/hoặc dịch vụ, quy mô dự án

Ví dụ:

- Sản xuất than hoạt tính quy mô 500.000 tấn/năm
- Xây dựng, kinh doanh khách sạn 500 buồng tiêu chuẩn 5 sao

Specify the particular type of product or services and the scale of the project.
For example:
- Production of coal on a scale of 500,000 tones per year; or
- Construction and commercial operation of a five (5) star hotel with 500 guest rooms.

[14] : Ghi tổng vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam, trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài, bổ sung giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài

Specify the total investment capital in Vietnamese dong and, in the case of a foreign invested project, this amount should be supplemented with the equivalent value in a foreign currency.

[15] : Ghi rõ phần vốn góp, loại vốn và tiến độ góp vốn :

(Đối với trường hợp nhiều nhà đầu tư thì ghi cụ thể phần vốn góp, loại vốn và tiến độ góp vốn của từng nhà đầu tư)

Specify the capital contribution portion, the type of capital and the schedule for making the capital contribution:

(Where there is more than one investor, specify the above details as applicable to each investor).

[16] : Thời hạn hoạt động của dự án kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư

The duration of operation of the project, commencing as from the date of issuance of the

Investment Certificate.

[17] : Ghi dự kiến tiến độ thực hiện các hạng mục, công việc chính *(ví dụ: khởi công, thời gian xây dựng, mua sắm, lắp đặt máy móc thiết bị, thời điểm bắt đầu kinh doanh...)*

Specify the proposed schedule for construction of project works and items of works (for example, the date of the ground-breaking ceremony, the construction period, the date for procurement and for installation of machinery and equipment, the date of commencing business activities, etc).

[18] : a) Mức thuế suất và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp:

a) Tax rate, exemption from and reduction of corporate income tax;

b) Miễn thuế nhập khẩu:

b) Exemption from import duty;

c) Miễn, giảm tiền thuê, thuế sử dụng đất, mặt nước, mặt biển:

c) Exemption from and reduction of rent and land use fees, water surface and sea surface taxes;

d) Kiến nghị khác *(nếu có)*

Other recommendations (if any).

[19] Trường hợp có nhiều nhà đầu tư thì từng nhà đầu tư ký tên; đóng dấu *(nếu có)*

(Nếu nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thì người ký tên là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đó)

If there is more than one investor, each investor should write his/her/its full name, and seal the document (if the investor has a seal). (If the investor is an enterprise or organization, the signatory should be the legal representative of such enterprise or organization).

[20] Hồ sơ kèm theo:

Documents to be attached:

Loại văn bản Type of document	Trường hợp áp dụng Cases in which applicable
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; bản sao Quyết định thành lập/Giấy CNĐKKD/hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức; - Valid copy of the ID card, passport or other personal identification document; copy of the establishment decision, business registration certificate or other equivalent document of the organization;	- Mọi trường hợp quy định phải có hồ sơ kèm theo - All cases must have accompanying documents. - Không áp dụng đối với trường hợp đăng ký lại, đổi Giấy chứng nhận đầu tư và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp. - Not applicable in cases of re-registration,

- Văn bản uỷ quyền kèm bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện - Power of attorney together with ID card, passport or other personal identification document of the representative.	replacement with an investment certificate and conversion of the form of enterprise.
- Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư *(do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm)* - Report on financial capacity of the investor (which the investor shall prepare and for which the investor shall be liable).	- Mọi trường hợp, trừ dự án đầu tư trong nước thuộc diện đăng ký - Applicable in all cases, except for domestic investments which are not required to be registered.
- Hợp đồng liên doanh - Joint venture contract.	- Trường hợp thành lập tổ chức kinh tế liên doanh với nhà đầu tư nước ngoài - Applicable to cases of establishment of joint venture economic organization with foreign investor.
- Hợp đồng liên doanh sửa đổi - Amended joint venture contract.	- Trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư có thay đổi nội dung Hợp đồng liên doanh đã ký; - Applicable in cases of amendment of an Investment Certificate with changes in the contents in the signed joint venture contract. - Trường hợp đăng ký lại, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp có thay đổi nội dung Hợp đồng liên doanh đã ký - Applicable in cases of re-registration [*and/or*] conversion of the form of enterprise with changes in the contents of the signed joint venture contract.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh - Business co-operation contract.	- Trường hợp đầu tư theo hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh. - Applicable in cases of investment in the form of a business co-operation contract.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh sửa đổi - Amended business co-operation contract.	- Trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư có thay đổi nội dung Hợp đồng hợp tác doanh đã ký - Applicable in cases of amendment of an Investment Certificate with changes in the contents of the signed business cooperation contract.

	- Trường hợp đổi Giấy chứng nhận đầu tư của Hợp đồng hợp tác kinh doanh có thay đổi nội dung Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký - Applicable in cases of replacement with an Investment Certificate by business cooperation parties with changes in the contents of the already signed business cooperation contract.
- Dự thảo Điều lệ doanh nghiệp - Draft charter of the enterprise. - Danh sách thành viên/cổ đông sáng lập - List of members or founding shareholders.	- Trường hợp thành lập Công ty TNHH/Công ty cổ phần/Công ty hợp danh - Applicable in cases of establishment of limited liability company, shareholding company or partnership.
- Dự thảo Điều lệ doanh nghiệp sửa đổi - Draft amended charter of the enterprise. - Danh sách thành viên/cổ đông sáng lập - List of members or founding shareholders.	- Trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư có thay đổi nội dung Điều lệ doanh nghiệp hoặc bổ sung thêm thành viên mới. - Applicable in cases of amendment of an Investment Certificate with changes in the contents of the charter of the enterprise or addition of additional members. - Trường hợp đăng ký lại, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp có sửa đổi Điều lệ doanh nghiệp hoặc bổ sung thêm thành viên mới - Applicable in cases of re-registration [*and/or*] conversion of the form of enterprise resulting in amendment of the charter of the enterprise or addition of new members.
- Giải trình kinh tế - kỹ thuật - Economic-technical explanatory statement.	- Đối với dự án thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư - Applicable to projects in the category of evaluation for issuance of investment certificate.
- Giải trình những nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh - Explanation of the amended contents and the reasons for the amendments.	- Trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (Giấy phép đầu tư) thuộc diện thẩm tra - Applicable in cases of amendment of an Investment Certificate (or investment license) in the category requiring

	evaluation.
- Bản giải trình khả năng đáp ứng điều kiện của dự án đầu tư - Explanatory statement on the ability to satisfy conditions which the investment project must satisfy.	- Đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện - Applicable to projects in sectors in which investment is conditional.
- Văn bản xác nhận vốn pháp định - Document certifying legal capital.	- Đối với ngành nghề pháp luật quy định phải có vốn pháp định - Applicable to business lines which are subject by law to legal capital requirements.
- Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề - Valid copy of practicing certificate.	- Đối với trường hợp kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề - Applicable in cases of conducting business in business lines which are required by law to have a practicing certificate.
- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh, Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư - Copy Investment Certificate, amended Investment Certificate, and Certificate of amendment of investment license	- Đối với các trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư - Applicable in cases of amendment of an Investment Certificate.
- Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy phép đầu tư điều chỉnh, Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư - Copy investment license, amended investment license and certificate of amendment of investment license.	- Trường hợp đăng ký lại, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và đổi Giấy chứng nhận đầu tư. - Applicable in cases of re-registration [*and/or*] conversion of form of enterprise and replacement with an Investment Certificate.
- Quyết định chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông hoặc chủ doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài - Decision on conversion of form of enterprise made by the board of management, general meeting of shareholders or owner of an enterprise with 100 per cent foreign owned capital.	- Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp - Applicable in cases of conversion of form of enterprise